

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Số: 21

Ngày 03/6/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

- 1. Có ý gây chấn thương trong thi đấu thể thao bị phạt đến 25 triệu đồng.*
- 2. Khung kế hoạch sơ kết thực hiện Nghị quyết Trung ương V.*
- 3. Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về phát triển bền vững.*
- 4. Một số quy định mới về nâng ngạch lương công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.*
- 5. Kế hoạch thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh của Bộ Xây dựng.*
- 6. Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính.*
- 7. Tháng 10/2020, thí điểm mô hình chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật tại cộng đồng.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- 1. Những đối tượng nào được xét cấp thẻ nhà báo?*
- 2. Xét cấp thẻ nhà báo cần đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn nào?*
- 3. Những trường hợp nào không được xét cấp thẻ nhà báo?*
- 4. Trường hợp nào bị thu hồi thẻ nhà báo?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. CỐ Ý GÂY CHẤN THƯƠNG TRONG THI ĐẤU THỂ THAO BỊ PHẠT ĐẾN 25 TRIỆU ĐỒNG

Ngày 27/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao.

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; tịch thu tài liệu, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể thao được sử dụng để vi phạm hành chính; đình chỉ hoạt động thể thao từ 01-06 tháng; đình chỉ tham dự giải thi đấu thể thao từ 01-06 tháng; đình chỉ việc tổ chức giải thi đấu thể thao có thời hạn từ 01-06 tháng.

Theo Nghị định, mức phạt tối đa trong lĩnh vực thể thao được quy định là 50 triệu đồng đối với cá nhân và 100 triệu đồng đối với tổ chức. Cụ thể, phạt tiền từ 10-15 triệu đồng đối với hành vi sử dụng chất kích thích thuộc Danh mục bị cấm trong tập luyện; thi đấu thể thao; hình thức phạt bổ sung là đình chỉ việc tham dự giải thi đấu thể thao có thời hạn từ 01-03 tháng. Đối với hành vi bao

che, tổ chức cho vận động viên sử dụng chất kích thích thuộc Danh mục bị cấm trong tập luyện, thi đấu thể thao sẽ bị phạt tiền từ 15-20 triệu đồng; hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ việc tham dự giải thi đấu thể thao có thời hạn từ 03-06 tháng.

Nghị định cũng nêu rõ, phạt tiền từ 15-20 triệu đồng đối với hành vi chửi bới, lăng mạ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự; đe dọa xâm phạm sức khỏe, tính mạng; phản ứng không phù hợp với đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam khi tham gia hoạt động thể thao. Đối với một trong các hành vi cố ý gây chấn thương, chơi thô bạo gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người khác trong tập luyện, thi đấu thể thao sẽ bị phạt tiền từ 20-25 triệu đồng.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2019.

2. KHUNG KẾ HOẠCH SƠ KẾT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG V

Để đánh giá toàn diện về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Phân tích, đánh giá rõ những kết quả đã đạt được, chỉ ra những hạn chế, tồn tại, yếu kém và nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai

thực hiện Nghị quyết. Trên cơ sở đó, ngày 24/5/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 629/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch sơ kết thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch). Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Theo đó, Kế hoạch sơ kết gồm 18 nội dung hoạt động được thực hiện bởi Ban chỉ đạo Trung ương, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành và địa phương có liên quan từ 01/02-15/12. Các bộ, ngành và địa phương tiến hành tổng kết đến ngày 30/6/2019. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương vào cuối tháng 9/2019.

Quyết định cũng nêu rõ các nội dung chủ yếu của Kế hoạch bao gồm: công tác tổ chức quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch và chỉ đạo triển khai nghị quyết; đánh giá về chính sách; tập trung làm rõ nhận thức, trách nhiệm và kết quả thực hiện ở các bộ, ngành và địa phương với các nhiệm vụ đã được xác định trong Nghị quyết; đánh giá về công tác theo dõi, giám sát thực hiện chính sách, phối hợp liên ngành trong các hoạt động; nguồn lực huy động thực hiện và các khó khăn vướng mắc; phương hướng và giải pháp hoàn thiện về lý luận và tổ

chức thực hiện chính sách xã hội trong tình hình mới. Đặc biệt, Quyết định nhấn mạnh việc nhận diện các vấn đề mới phát sinh của bộ, ngành và địa phương về chính sách người có công và an sinh xã hội (các rủi ro, các xu thế về hội nhập mới phát sinh cần phải có các chính sách hỗ trợ; phát hiện các nhóm “yếu thế” mới); cơ hội và thách thức, các nhân tố tác động đến việc hoàn thành các mục tiêu chính sách của bộ, ngành và địa phương đến 2020 và giai đoạn 2021-2030; xác định các động lực mới, mô hình mới cho việc thực hiện chính sách người có công và an sinh xã hội trong thời gian tới...

3. BỐ TRÍ CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH HOẶC KIÊM NHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngày 20/5/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg về phát triển bền vững nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong nhận thức chỉ quan tâm đến tăng trưởng nhanh kinh tế mà không quan tâm đúng mức đến tính bền vững khi khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam đến năm 2030, Thủ tướng chính phủ chỉ thị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương cần bố trí đầu mối và cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về phát triển bền vững,

trong đó cần tránh tăng bộ máy và biên chế nhưng vẫn đảm bảo công tác triển khai và phối hợp với các bên liên quan trong thực hiện phát triển bền vững. Chậm nhất ngày 31/12 hằng năm, Bộ, ngành phải gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 để tổng hợp trình Chính phủ, Quốc hội.

Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam cần chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế để tranh thủ sự hỗ

trợ về nguồn lực cho các doanh nghiệp nhằm hướng đến mục tiêu trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030.

Bên cạnh đó, Chỉ thị cũng đề ra nhiệm vụ cụ thể cho Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD); Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và riêng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

4. MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ NÂNG NGẠCH LƯƠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Ngày 14/5/2019, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BNV sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo Thông tư, từ ngày 01/7/2019, việc xét chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng đối với viên chức phải đảm bảo bảo

các điều kiện: viên chức được bố trí sang vị trí làm việc mới có yêu cầu chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng hoặc cùng yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo với chức danh nghề nghiệp đang đảm nhiệm; viên chức đáp ứng đúng tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp mới.

Việc thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được căn cứ vào danh mục, số lượng vị trí và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm; đơn vị sự nghiệp có nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề

nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Bên cạnh đó, Thông tư còn quy định lại điểm trúng tuyển cho mỗi bài thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Cụ thể, theo Khoản 5 Điều 2 Thông tư 03/2019/TT-BNV sửa đổi, bổ sung Điều 14 Thông tư 12/2012/TT-BNV, viên chức trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải dự thi đủ các bài thi của các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định của pháp luật; có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên (quy định hiện nay phải từ 55 điểm trở lên), các bài thi được chấm theo thang điểm 100. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quy định về nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

5. KẾ HOẠCH THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH, LÀNH MẠNH CỦA BỘ XÂY DỰNG

Để triển khai đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 23/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh; tăng cường công tác hoàn thiện thể chế về quản lý nhà ở và thị trường bất động sản kịp thời,

phù hợp với tình hình thực tiễn; triển khai hiệu quả các chương trình nhà ở xã hội. Ngày 22/5/2019, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 398/QĐ-BXD về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 23/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh (sau đây gọi tắt là Kế hoạch); có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Kế hoạch bao gồm 07 nội dung chính: nhiệm vụ hoàn thành dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản; nghiên cứu, ban hành sửa đổi, bổ sung quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng đối với các loại hình nhà ở chung cư, công trình căn hộ du lịch (condotel), biệt thự du lịch (resort villa), văn phòng kết hợp lưu trú ngắn hạn (officetel), nhà trọ, phòng trọ cho thuê; nghiên cứu, đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về quy chế quản lý, vận hành loại hình công trình văn phòng kết hợp lưu trú ngắn hạn (officetel); đôn đốc các địa phương hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; nghiên cứu, sửa đổi chính sách pháp luật và đôn đốc đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tăng cường kiểm tra và yêu cầu chủ đầu tư các dự án khu đô thị, các dự

án phát triển nhà ở phải triển khai xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, hệ thống phòng cháy chữa cháy trong dự án và kết nối với hạ tầng chung của khu vực trước khi bàn giao nhà ở cho người dân theo quy định; thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình theo định kỳ hoặc đột xuất để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về diễn biến của thị trường bất động sản để kịp thời có biện pháp bình ổn thị trường khi có dấu hiệu không bình thường hoặc biến động lớn.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chung việc thực hiện Kế hoạch; các Thứ trưởng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Cục trưởng Cục quản lý nhà và thị trường bất động sản căn cứ theo phân công, chỉ đạo thực hiện theo Kế hoạch. Các đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán thực hiện, gửi về Vụ Kế hoạch-Tài chính, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường để báo cáo trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt.

6. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 896/QĐ-TTG ngày 08/6/2013 phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý cư dân giai đoạn 2013-2020 (gọi tắt

là Đề án 896). Ngày 28/5/2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1461/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 896 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương xây dựng kế hoạch, kiện toàn Tổ Công tác thực hiện Đề án 896 và kinh phí hoạt động trong quý II, III/2019. Từ tháng 05 - 12/2019, Cục Công nghệ Thông tin chủ trì phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành, địa phương triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Bên cạnh đó, Bộ sẽ đề xuất nhu cầu kết nối thông tin giữa các Cơ sở dữ liệu về giáo dục với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Cũng theo Quyết định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức họp, hội thảo phục vụ việc triển khai thực hiện Đề án 896, đồng thời tham vấn, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về dự thảo nội dung phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

7. THÁNG 10/2020, THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT TẠI CỘNG ĐỒNG

Ngày 28/5/2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1463/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch thực hiện “Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo

vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018-2025” (sau đây gọi tắt là Đề án). Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Đề án bao gồm 03 nhiệm vụ chính: tổ chức các hoạt động thực hiện đề án giai đoạn 2018-2025; kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ khó khăn việc thực hiện kế hoạch địa phương; báo cáo kết quả thực hiện quyết định 1438/QĐ-TTg.

Cụ thể, tháng 6/2019, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam chủ trì tổ chức Hội thảo quốc gia “Thực trạng trẻ rối loạn phổ tự kỷ và nhu cầu phát hiện sớm, can thiệp sớm”. Tháng 12/2019, Viện Khoa học Giáo

dục Việt Nam phối hợp Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục Trung học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội nghiên cứu các mô hình giáo dục cho trẻ khuyết tật tại cộng đồng trong nước và quốc tế từ đó xây dựng các mô hình giáo dục phù hợp với trẻ khuyết tật tại Việt Nam.

Đặc biệt, đến tháng 10/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thí điểm mô hình chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật tại cộng đồng. Hàng năm, Vụ Giáo dục Tiểu học sẽ tổ chức tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên về các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật tại cộng đồng.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 62/2015/NĐ-CP NGÀY 18/7/2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Sau 03 năm thực hiện, các quy định của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã tác động tích cực và hiệu quả đối với đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước nói chung và công tác thi hành án dân sự nói riêng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện, một số quy định của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP cũng đã bộc lộ vướng mắc, bất cập cần phải sửa

đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tiễn. Bộ Tư pháp đang tổ chức lấy ý kiến xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (sau đây gọi là Nghị định). Dự thảo sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 33 khoản, điểm liên quan đến 18/85 Điều.

Trong đó, tại Điều 13, Dự thảo bổ sung quy định hạn chế việc trốn tránh, chống đối việc thi hành án, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, theo đó trường hợp đương sự, người đang quản lý, sử dụng, bảo

quản tài sản không hợp tác thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Chấp hành viên tổ chức cưỡng chế mở khóa, mở gói; buộc ra khỏi nhà, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất để kiểm tra hiện trạng, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản hoặc thay đổi việc giao bảo quản tài sản thi hành án; bổ sung phương án giải quyết, tăng cường sự phối hợp của chính quyền địa phương trong trường hợp cá biệt việc bảo quản tài sản có khó khăn, theo đó: trường hợp sau khi áp dụng biện pháp cưỡng chế mà không thực hiện được việc giao bảo quản tài sản theo quy định thì Chấp hành viên có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, hỗ trợ bảo quản trong thời gian chưa xử lý được tài sản. Tại Điều 24, Dự thảo có quy định thêm trường hợp tài sản đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế mà người phải thi hành án vẫn cho người khác thuê thì vẫn bị xử lý để thi hành án; phân biệt rõ thủ tục cưỡng chế kê biên thi hành án để tránh sai sót của Chấp hành viên trong 03 trường hợp: trường hợp người phải thi hành án đã chuyển dịch tài sản nhưng người nhận chuyển dịch chưa hoàn thành việc đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng với trường hợp chưa hoàn thành thủ tục này và trường hợp có giao dịch khác; bãi bỏ quy định Chấp hành viên được quyền phân chia tài sản chung của vợ chồng và của hộ gia đình (phương án 1); bãi

bỏ quyền của Chấp hành viên trong việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình, giữ nguyên quyền phân chia tài sản chung của vợ chồng, bổ sung quyền của vợ chồng lựa chọn tài sản chung nào để thi hành án; bổ sung quyền của Chấp hành viên dự kiến lựa chọn tài sản chung nào để thi hành án và thông báo cho vợ chồng biết; làm rõ hơn cách thức xác định tài sản để cưỡng chế trong trường hợp đương sự không khởi kiện phân chia tài sản chung (phương án 2); quy định rõ biên bản về việc người phải thi hành án tự nguyện giao tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7a Luật thi hành án dân sự để thi hành nghĩa vụ trả tiền là cơ sở xác định thứ tự ưu tiên thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47 Luật thi hành án dân sự. Tại Điều 27, Dự thảo quy định trường hợp trong cùng một phiên đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất; trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại; về hướng xử lý tiền trong trường hợp hợp đồng mua bán tài sản đã được ký, Dự thảo đưa ra hai phương án: giữ nguyên quy định hiện hành đối với trường hợp người mua trúng đấu giá chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản nào hoặc thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng

hạn nghĩa vụ thanh toán (phương án 1); bỏ quy định hiện hành về phương án xử lý trong trường hợp người mua trúng đấu giá thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng hạn nghĩa vụ thanh toán để quy định rõ hơn theo hướng người mua tài sản vi phạm thời hạn thanh toán thì khoản tiền đặt trước sau 7 khi trừ đi các chi phí xử lý tài sản, số tiền thì thuộc về ngân sách nhà nước (phương án

2); thu hút các quy định hiện hành của Thông tư số 200/2016/BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính về các khoản chi từ khoản tiền đặt trước nêu trên.

Đến nay, Bộ Tư pháp đã hoàn thành bản Dự thảo 2 Nghị định đăng trên website lấy ý kiến nhân dân và gửi các bộ, ngành, cơ quan có liên quan để lấy góp ý hoàn thiện dự thảo để trình Chính phủ vào tháng 10/2019.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những đối tượng nào được xét cấp thẻ nhà báo?

Trả lời: Theo Điều 26 Luật số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016 quy định về Báo chí có quy định rõ những đối tượng được xét cấp thẻ nhà báo bao gồm: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Tổng biên tập, Phó tổng biên tập cơ quan báo chí, thông tấn; trưởng phòng/ban, phó trưởng phòng/ban nghiệp vụ báo chí của cơ quan báo chí, thông tấn; phóng viên, biên tập viên của cơ quan báo chí, thông tấn; quay phim, đạo diễn chương trình phát thanh, truyền hình của các cơ quan báo chí; phóng viên, biên tập viên; người được cấp thẻ nhà báo nhưng được Điều chuyển sang làm công việc khác vẫn tiếp tục có tác phẩm báo chí được sử dụng, được cơ quan báo chí xác nhận.

2. Hỏi: Xét cấp thẻ nhà báo cần đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn nào?

Trả lời: Theo Điều 27 Luật số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016 quy định về Báo chí có quy định rõ người công tác tại cơ quan báo chí được xét cấp thẻ nhà báo phải bảo đảm các điều kiện tiêu chuẩn sau: là công dân Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam; có bằng tốt nghiệp đại học trở lên (đối với trường hợp người dân tộc thiểu số đang thực hiện ấn phẩm, chương trình... phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên); được cơ quan báo chí hoặc cơ quan công tác đề nghị cấp thẻ nhà báo. Đối với trường hợp cấp thẻ lần đầu, phải có thời gian công tác liên tục tại cơ quan báo chí đề nghị cấp thẻ từ 02 năm trở lên tính đến thời điểm cấp thẻ (trừ Tổng biên tập các tạp chí khoa học và những

trường hợp khác theo quy định của pháp luật).

3. Hỏi: *Những trường hợp nào không được xét cấp thẻ nhà báo?*

Trả lời: Theo Điều 27 Luật số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016 quy định về Báo chí có quy định rõ những trường hợp không được xét cấp thẻ nhà báo gồm: các trường hợp không thuộc đối tượng được quy định; đã vi phạm quy định về đạo đức nghề nghiệp của người làm báo; bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức và pháp luật về lao động mà chưa hết thời hạn 12 tháng tính đến thời Điểm xét cấp thẻ; là đối tượng liên quan trong các vụ án chưa có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đã bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án mà chưa được xóa án tích; bị thu hồi thẻ nhà báo do vi phạm quy định của pháp luật mà thời gian thu hồi thẻ chưa quá 12 tháng kể từ ngày ra quyết định đến thời Điểm xét cấp thẻ.

4. Hỏi: *Trường hợp nào bị thu hồi thẻ nhà báo?*

Trả lời: Theo Điều 28 Luật số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016 quy định về Báo chí có quy định rõ người được cấp thẻ nhà báo bị thu hồi thẻ trong các trường hợp sau: vi phạm quy định về đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, về hoạt động nghiệp vụ báo chí, thông tin trên báo chí hoặc sử dụng thẻ nhà báo không đúng Mục đích gây hậu quả nghiêm trọng; bị cơ quan tiến hành tố tụng quyết định khởi tố bị can. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đình chỉ Điều tra, đình chỉ vụ án đối với nhà báo đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên nhà báo đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự thì cơ quan quản lý nhà nước về báo chí có trách nhiệm trả lại thẻ nhà báo; bị cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị khiển trách hai lần liên tục trong 02 năm theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức và pháp luật về lao động; thôi việc nhưng không nộp lại thẻ nhà báo.